

QUAN NIỆM VỀ HÀNH VI GIAO TIẾP CÓ VĂN HOÁ CỦA TUỔI TRẺ

Nguyễn Quang Uẩn

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Cùng với lao động, ngôn ngữ, giao tiếp là những nhân tố không thể thiếu được trong cuộc sống của mỗi cá nhân và của cộng đồng xã hội loài người. Giao tiếp có lịch sử xa xưa cùng với lịch sử hình thành và phát triển con người. Chính vì thế mà có nhiều khoa học khác nhau bàn về vấn đề giao tiếp của con người: Triết học, đạo đức học, tâm lý học, xã hội học, điều khiển học, lý thuyết thông tin v.v... Mỗi lĩnh vực khoa học khác nhau có những quan điểm cụ thể về giao tiếp.

Ngay từ thời xa xưa, các nhà triết học cổ đại như: Socrate (470-399 TCN), Platon (428-347 TCN) đã đề cập tới vấn đề giao tiếp, coi sự đối thoại giữa con người với con người là sự giao tiếp trí tuệ của những con người biết suy nghĩ. Thời kỳ Văn hoá phục hưng, người ta đề cao quan hệ nhân văn giữa con người với con người, coi giao tiếp như một phương thức ứng xử có văn hoá của con người, giao tiếp trở thành đối tượng nghiên cứu của nghệ thuật... Đến đầu thế kỷ XVIII, C.A.Henvétius (1715-1771) - nhà triết học duy vật Pháp viết tác phẩm "Con người và các mối quan hệ của nó với người khác" đã đặt mối quan hệ con người và con người vào vị trí trung tâm của xã hội, đó là những mối quan hệ hiện thực. Lútviêch Phơ Bách (1804-1872) - nhà triết học duy vật siêu hình - xem xét bản chất con người thể hiện trong quan hệ con người với con người, trong sự giao tiếp giữa con người với nhau, trong sự thống nhất dựa trên sự khác biệt giữa "cái tôi" và "người khác". C.Mác (1818-1883) [6], ngay từ trong tác phẩm đầu tay của mình - tác phẩm "*Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*" đã khẳng định: Người ta có thể nói về mối quan hệ (thái độ) của mình đối với lao động và sản phẩm lao động của mình và đối với bản thân mình như thế nào thì cũng có thể nói về quan hệ của mình với người khác và cả đối với lao động của người khác như thế ấy... Bất cứ một quan hệ nào của con người với bản thân mình đều chỉ được thể hiện, biểu hiện trong mối quan hệ của con người đối với người khác. Từ đó trong "*Luận cương thứ 6 của C.Mác về Phơ bách*", C.Mác khẳng định: "... Trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người là sự tổng hoà của các mối quan hệ xã hội". Hành vi giao tiếp có văn hoá là một trong những phẩm chất nhân cách của tuổi trẻ cần được nghiên cứu và giáo dục.

2. Bàn về "Văn hoá"

2.1. Thuật ngữ "Văn hoá" (Culture)

Thuật ngữ "Văn hoá" có từ năm 1793 trong cuốn "Từ điển Đức". Cho đến những năm 70 của thế kỉ XX đã có hơn 250 định nghĩa khác nhau về "Văn hoá". Từ "Văn hoá" (Culture) có nguồn gốc từ tiếng Latinh là "Cultus", với nghĩa nguyên gốc của từ là "gieo trồng". Về sau này, thuật ngữ "Văn hoá" muốn nói tới việc "khai trí", "bồi dưỡng" - giáo dục. Theo Giáo sư Trần Quốc Vượng, thuật ngữ "Văn hoá" với nghĩa "Canh tác tinh thần" được sử dụng từ thế kỉ XVIII với nghĩa là "Canh tác" [13].

- Trong Từ điển Hán Việt, Giáo sư Nguyễn Lân đã định nghĩa "Văn hoá là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử và tiêu biểu cho trình độ mà xã hội đã đạt được trong từng giai đoạn về mặt học vấn, khoa học, kỹ thuật, văn học nghệ thuật, triết học, đạo đức, sản xuất" [4].

- Trong tài liệu "Thập kỉ thế giới phát triển văn hoá" (1988-1997) (Tài liệu của UBQG và thập kỉ quốc tế phát triển văn hoá) F.Mayoz Tổng giám đốc UNESCO đã định nghĩa: "Văn hoá là tổng thể các hoạt động sáng tạo trong quá khứ và trong hiện tại, cấu thành nên một hệ thống giá trị truyền thống, thẩm mỹ và lối sống, dựa trên đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình". Như vậy, "văn hoá là tổng thể các giá trị phức hợp các mặt tình cảm, tri thức, vật chất và tinh thần của một xã hội, bao gồm cả những phương thức sống, các quyền cơ bản, những truyền thống" [12].

2.2. Các bộ phận tổ thành văn hoá

Văn hoá là một cấu trúc phức hợp, bao gồm nhiều bộ phận tổ thành, với nhiều tầng bậc, tầng diện khác nhau:

- Jean Ladrière cho rằng: Văn hoá gồm 3 bộ phận tổ thành với 3 hệ thống chi phối lẫn nhau: 1) hệ thống ý niệm; 2) hệ thống chuẩn mực; 3) hệ thống hành động [2].

Trong công trình: "Về mối quan hệ giữa văn hoá và chính trị quốc tế" [5], tác giả Liu Zhongmin nêu lên 4 tầng diện của văn hoá:

+ Tầng diện tinh thần (tâm lý) gồm: ý thức tư tưởng, niềm tin, nhận thức về giá trị, hứng thú thẩm mỹ, tính cách dân tộc v.v...

+ Tầng diện hành vi gồm: nghi lễ, lối sống, quan hệ ứng xử v.v...

+ Tầng diện các thể chế gồm: thể chế chính trị, thể chế xã hội, thể chế pháp luật v.v...

+ Tầng diện vật chất gồm: các sản phẩm văn hoá được "vật chất hoá" như: văn hoá ăn mặc, điện mào, phương tiện lễ nghi,...

Trong 4 tầng diện nói trên thì bộ phận trung tâm nhất là *tầng diện tinh thần*. Chính vì lẽ đó, Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: "Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là mục tiêu của CNXH" [7].

- Trong kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước (giai đoạn 1991-1995) KX-07-04 thuộc chương trình KX-07, chúng tôi đã rút ra một số nhận xét: các giá trị văn hoá có tính lịch đại, truyền thống và đương đại, được thể hiện ở: các giá trị luân lý đạo đức, các chuẩn mực xã hội và lối sống xã hội. Các giá trị đó thể hiện cụ thể ở các giá trị cơ bản sau: lòng yêu nước, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết cộng đồng, tinh thần tương thân tương ái, trung thực, trọng đạo lý, lối sống giản dị, cần cù, sáng tạo trong lao động, lạc quan và chủ nghĩa anh hùng cách mạng v.v... [11].

2.3. Bản sắc văn hoá dân tộc

Trong *Từ điển tiếng Việt*, thuật ngữ "*bản sắc*" (Identité) chỉ "tính chất, màu sắc riêng tạo thành phẩm chất đặc biệt của đối tượng" [10].

* Có thể hiểu "*Bản sắc văn hoá*" là những đặc điểm riêng có giá trị cao trong các giá trị vật chất và tinh thần được tích lũy và phát triển trong tiến trình lịch sử của dân tộc, nó quy định vị trí riêng về mặt xã hội của một dân tộc. Những giá trị đó có thể có ở nhiều dân tộc, song ở dân tộc mang một bản sắc văn hoá dân tộc sẽ biểu hiện đậm nét, sâu sắc và mang tính đặc thù của dân tộc đó.

- Giáo sư Đinh Quang [9] đã phân biệt hai loại bản sắc văn hoá:

+ Những "*Bản sắc thiếu triển*" (Regressive) đó là sự sống lại những giá trị truyền thống tốt đẹp có từ lâu đời, sự khôi phục và bảo tồn các giá trị truyền thống.

+ Những "*Bản sắc tiến triển*" (Progressive) là những bản sắc mới, tạo nên từ những yếu tố mới, tiên tiến, tạo nên những bổ sung cho giá trị văn hoá dân tộc trong quá trình phát triển dân tộc.

- Giáo sư Trần Đình Hượu trong tác phẩm "Đến hiện đại từ truyền thống" [3] cho rằng: "Không phải chỉ cái vốn có mới là đặc sắc văn hoá dân tộc".

- Đảng, Nhà nước ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc xây dựng "*nền văn hoá dân tộc, khoa học, đại chúng*".

* Ngay từ những năm 40 của thế kỉ XX, Nguyễn Ái Quốc đã nêu rõ việc quan tâm xây dựng nền văn hoá dân tộc gắn liền với 5 nội dung cơ bản:

- 1) Xây dựng tâm lý (tính cách, tinh thần, độc lập, tự cường).
- 2) Xây dựng luân lý.
- 3) Xây dựng xã hội.
- 4) Xây dựng kinh tế.

5) Xây dựng văn hoá.

* Trong bản "Đề cương văn hoá Việt Nam" năm 1943, Đảng ta đã xác định rõ các quan điểm phát triển văn hoá là kế thừa và tiếp nhận phát triển những yếu tố hiện đại dựa trên nguyên tắc: *dân tộc, khoa học, đại chúng* [1].

* Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định 5 quan điểm cơ bản chủ đạo là: "1) Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; 2) Nền văn hoá chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 3) Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng dân tộc Việt Nam; 4) Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; 5) Văn hoá là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng" [8].

Kế thừa và phát huy những quan điểm đúng đắn nói trên, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm tới việc xây dựng nền văn hoá gắn liền với *sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp phát triển ổn định và bền vững đất nước*.

3. Hành vi giao tiếp có văn hoá

3.1. Hành vi văn hoá và văn hoá giao tiếp

a) *Hành vi văn hoá là hệ thống các biểu hiện hành động của con người, chứa đựng những giá trị vật chất và tinh thần của xã hội, được thể hiện trong cuộc sống và được xã hội chấp nhận như một hệ thống những quy tắc ứng xử của con người, là những chuẩn mực xã hội, định hướng giá trị trong các quan hệ xã hội của con người.*

Giao tiếp có văn hoá là một loại hành vi văn hoá, hành vi đạo đức.

* *Cấu trúc tâm lý của hành vi văn hoá gồm có:*

- Ý thức của cá nhân về các chuẩn mực xã hội cần phải tuân theo.
- Hệ thống động cơ, động lực thôi thúc con người hành động (như câu tình cảm,...).
- Ý chí, thói quen tham gia vào quá trình thực hiện hành vi văn hoá.

b) *Văn hoá giao tiếp*: là trình độ cao của mối quan hệ giao tiếp giữa con người - con người, thể hiện hình thức giao tiếp văn minh, lịch sự, biểu thị hệ thống quy tắc ứng xử tương ứng với các giá trị chuẩn mực xã hội. Người ta thường nói tới: "Văn hoá ứng xử", "Văn hoá ẩm thực", "Văn hoá kinh doanh" v.v...

3.2. Hành vi giao tiếp có văn hoá

a) *Khái niệm hành vi giao tiếp có văn hoá*

Có thể nêu lên một định nghĩa về hành vi giao tiếp có văn hoá như sau:

Hành vi giao tiếp có văn hoá là một loại hành vi văn hoá, hành vi đạo đức của con người biểu hiện cách giao tiếp của con người chứa đựng các giá trị văn hoá chuẩn mực mà cốt lõi là các giá trị đạo đức và thẩm mỹ, được thực hiện theo những quy tắc giao tiếp ứng xử xã hội, thông qua cung cách hành vi, cử chỉ, cách nói viết và những kỹ năng giao tiếp, tuân theo các chuẩn mực văn hoá xã hội.

Như vậy, hành vi giao tiếp có văn hoá là hành vi giao tiếp với một số đặc điểm sau:

+ Được thực hiện bởi các chủ thể có ý thức, có đạo đức, có văn hoá.

+ Được biểu hiện qua cử chỉ, cung cách hành vi, lời nói, cách viết của con người.

+ Chịu sự quy định của các chuẩn mực xã hội, được xây dựng từ hệ thống những giá trị xã hội cho một nền văn hoá được lựa chọn để định hướng.

b) *Các nhóm thành phần cấu trúc của hành vi giao tiếp có văn hoá*

* Cấu trúc hành vi giao tiếp có văn hoá có thể bao gồm các nhóm thành phần cơ bản sau:

- Thành phần nhận thức: *hiểu biết* ý nghĩa của các chuẩn mực, *nắm được* các quy tắc thực hiện hành vi giao tiếp đã được xã hội thừa nhận, cá nhân có ý thức về những chuẩn mực cần tuân thủ.

- Thành phần thái độ và phong cách quan hệ giao tiếp: thái độ với các chuẩn mực trong quan hệ với xã hội, với người khác và với bản thân.

- Thành phần kỹ năng biểu hiện hành vi giao tiếp có văn hoá:

+ Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ có văn hoá.

+ Kỹ năng thể hiện cử chỉ, điệu bộ có văn hoá.

+ Kỹ năng trang phục ăn mặc có văn hoá.

3.3. Các biểu hiện của hành vi giao tiếp có văn hoá của tuổi trẻ

- Nội dung của hành vi giao tiếp có văn hoá ở tuổi trẻ thể hiện trong các nhóm giá trị cơ bản sau:

a) *Nhóm giá trị trong quan hệ với người khác:*

+ Với cha mẹ, anh chị em trong gia đình.

+ Với thầy cô giáo.

+ Với người lớn xung quanh.

+ Với bầu bạn.

+ Với các em nhỏ...

b) *Nhóm giá trị trong quan hệ với bản thân*

c) *Ngoài ra còn thể hiện các giá trị trong quan hệ con người với công việc*

- Các nhóm giá trị nói trên thể hiện tập trung ở kỹ năng biểu hiện sự văn minh, thanh lịch, có văn hoá trong giao tiếp của tuổi trẻ. Có thể nêu lên một số biểu hiện cụ thể về hành vi giao tiếp có văn hoá ở tuổi trẻ như sau:

* *Biểu hiện trong thái độ và phong cách quan hệ:*

- + Tự trọng, tự chủ, tự hào.
- + Tôn trọng người khác.
- + Cởi mở, chan hoà, thân thiện, hồn nhiên.
- + Chân thật, trung thực, thẳng thắn.
- + Khiêm nhường.
- + Thận trọng.
- + Kín đáo, tế nhị.
- + Quan tâm, sẵn sàng giúp đỡ người khác.
- + ...

* *Biểu hiện trong ngôn ngữ giao tiếp:*

- + Phát âm rõ ràng, chính xác, mạch lạc.
- + Ngữ điệu nhẹ nhàng ấm áp.
- + Ngôn từ chính xác, chuẩn mực.
- + Biết thưa gửi, xin lỗi, cảm ơn đúng mực.
- + ...

* *Biểu hiện trong cử chỉ, điệu bộ giao tiếp:*

- + Giản dị, chân phương.
- + Hồn nhiên, cởi mở.
- + Thân mật gần gũi, không suồng sã.
- + Lễ phép song không khúm núm.
- + Nhanh nhẹn, nhẹ nhàng, linh hoạt v.v...

* *Biểu hiện trong trang phục ăn mặc:*

- + Gọn gàng, tề chỉnh, phù hợp với lứa tuổi trẻ.
- + Trang nhã, tiết kiệm.
- + Giản dị, nên nã.
- + Không đua đòi ăn diện.
- + Phù hợp với quy cách giao tiếp ứng xử.
- + ...

Các biểu hiện nói trên rất đa dạng và phong phú, chúng có quan hệ bổ sung cho nhau, tạo nên nét văn minh, thanh lịch trong giao tiếp có văn hoá của tuổi trẻ. Trong việc nghiên cứu và giáo dục hành vi giao tiếp có văn hoá cho tuổi trẻ, chúng ta cần cụ thể hoá những biểu hiện cụ thể của hành vi giao tiếp có văn hoá ở họ.

Trên thực tế, cùng với những biểu hiện tốt đẹp mang bản sắc văn hoá dân tộc kết hợp với nền văn minh nhân loại, văn hoá hội nhập ở tuổi trẻ cũng còn nhiều biểu hiện thiếu văn hoá, thiếu chuẩn mực trong hành vi giao tiếp với mọi người. Do vậy, việc đi sâu nghiên cứu và giáo dục hành vi giao tiếp có văn hoá cho tuổi trẻ cũng như mọi người trong xã hội là một công việc vô cùng cấp thiết và có tính lâu dài.

Đúng như Văn kiện Đại hội Đảng X của Đảng đã khẳng định: "Đặc biệt coi trọng nâng cao văn hoá trong nhân cách của thanh niên, thiếu niên, chống những hiện tượng phản văn hoá, phi văn hoá...", "coi sự phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội".

Tài liệu tham khảo

1. *Đề cương văn hoá Việt Nam năm 1943*. NXB Sự Thật, Hà Nội, 1960.
2. Jean Ladriere. *Les Enjeux de la Ratiortalité Aubier-Montaigne*. UNESCO, 1997.
3. Trần Đình Hượu. *Đến hiện đại từ truyền thống*. Chương trình KX-07, Hà Nội, 1994.
4. Nguyễn Lân. *Từ điển Hán Việt*. NXB thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
5. Liu Zhongmin. *Về mối quan hệ giữa văn hoá và chính trị quốc tế*. Viện KHXH, Hà Nội, 1999.
6. C.Mác. *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*. NXB Sự thật, Hà Nội, 1960.
7. Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII.
8. Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII.
9. Đình Quang. *Nhận thức và xử lý văn hoá thế giới*. NXB CTQG, Hà Nội, 1999.
10. *Từ điển tiếng Việt*. NXB KHXH, Hà Nội, 1977.
11. Nguyễn Quang Uẩn (chủ nhiệm đề tài KHCN Nhà nước KX-07-04). *Đặc trưng và xu thế phát triển nhân cách con người Việt Nam trong sự phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 1991-1995*.
12. UBQG về thập kỷ quốc tế phát triển văn hoá. *Thập kỷ thế giới phát triển văn hoá (1988-1997)*.
13. Trần Quốc Vượng (chủ biên). *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.